

Tình hình sưu tầm, nghiên cứu tín ngưỡng then, mo, tà, pụt của người Tày, người Nùng ở Việt Nam

HÀ ĐÌNH THÀNH (*)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, người Tày, Nùng chiếm gần hai triệu dân, phân bố trong nhiều tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt tập trung đông nhất ở các tỉnh Việt Bắc. Then, mo, tà, pụt là loại hình sinh hoạt văn hóa văn nghệ quần chúng, song đồng thời cũng là loại hình sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của hai dân tộc này. Các nghệ nhân then, mo, tà, pụt phần lớn làm nghề này từ trước Cách mạng tháng Tám (1945), nay tuổi đã quá cao, thậm chí nhiều người đã qua đời. Vì vậy, việc sưu tầm, nghiên cứu gìn giữ các vốn cổ quý ấy của người Tày, người Nùng ở Việt Nam là cấp thiết, đồng thời cũng là mục đích của bài viết này.

Trong cộng đồng dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam có nhiều hình thức tín ngưỡng tôn giáo, nhưng hình thức tín ngưỡng tôn giáo mang đậm tính chất nghề nghiệp có lẽ phải kể tới then, mo, tà, pụt. Vì then, mo, tà, pụt là một trong các loại hình của văn hóa dân gian mang tính chất tổng hợp, nguyên hợp và chứa

đậm phần tín ngưỡng tôn giáo, cho nên việc sưu tầm, khảo cứu chúng cũng phải được tiến hành một cách có hệ thống và khoa học.

Do vậy, chúng tôi nghiên cứu vấn đề này nhằm trả lời cho câu hỏi: Tại sao người Tày, người Nùng ở Việt Nam lại có xu hướng duy trì và phát triển loại hình tín ngưỡng then, mo, tà, pụt một cách đều khắp và tương đối sôi động như vậy? Việc thực hành các tín ngưỡng này có ảnh hưởng tới hệ xã hội⁽¹⁾ của họ không? Có thể từ đó, mọi người sẽ hiểu rõ hơn về đời sống tâm linh của người Tày, người Nùng từ xưa tới nay, cũng như về một số điều kiện xã hội đặc thù và những yếu tố của tín ngưỡng đã gắn bó, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của đồng bào.

Bằng các phương pháp khảo sát và nghiên cứu khoa học như *Tham gia - Quan sát* (dùng trong công tác điều tra điền dã thực địa), *Tiếp cận*

*. TS., Viện Nghiên cứu Văn hóa.

1. *Hệ xã hội* bao gồm bốn thành phần chủ yếu như: - *Dân số* (số dân, độ tuổi, cơ cấu giới); - *Công nghệ* (khoa học, kỹ thuật); - *Tổ chức xã hội* (các hộ gia đình, dòng họ, nhóm tộc người, các thể chế,...); - *Lý tưởng* (tri thức, lòng tin, tín ngưỡng và các giá trị văn hóa).

hệ thống và Phân tích tổng hợp (dùng trong công tác tạo dựng công trình khoa học), chúng tôi đã ít nhiều làm sáng tỏ các vấn đề khoa học được đặt ra.

II. TÌNH HÌNH SƯU TẦM, NGHIÊN CỨU TÍN NGƯỠNG THEN, MO, TÀO, PỤT

Trong khoảng thời gian ba năm (1996-1998), chúng tôi đã triển khai khảo sát tín ngưỡng then, mo, tào, pụt của người Tày, người Nùng tại các địa phương như Hòa An, Quảng Hòa, Trùng Khánh (Cao Bằng), Trảng Định, Văn Quán (Lạng Sơn), Na Rì (Bắc Kạn), Mường Khương, Văn Bàn (Lào Cai), Vị Xuyên (Hà Giang). Trong khoảng ba năm này, chúng tôi đã thu thập được 52 tư liệu về văn hoá dân gian Tày, Nùng. Ngoài

những đợt công tác sưu tầm, khảo sát thực địa của chúng tôi ra, cũng cần phải nói thêm rằng, vào năm 1975⁽²⁾ trong cuộc sưu tầm, nghiên cứu then trên địa bàn Việt Bắc, người ta đã tiến hành một cuộc khảo sát trên ba vùng trọng điểm *Lạng Sơn, Hà Giang, Bắc Kạn*. Trong cuộc khảo sát này, ngoài số liệu về tình hình các nghệ nhân then, còn có số liệu về các nghệ nhân pụt, tào, mo trong cùng địa bàn. Kết quả cho thấy, then rất phổ biến ở người Tày; người Nùng cũng có làm then nhưng không nhiều. Trong khi đó, ở người Nùng, tỉ lệ người làm mo cao hơn. Pụt cũng thiên về phía người Tày. Còn tào thì ở người Nùng, người Tày đều có.

DƯỚI ĐÂY LÀ BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ KHẢO SÁT (1975) :

TỈNH	HUYỆN	LOẠI NGHỆ NHÂN	SỐ NGHỆ NHÂN	DÂN TỘC		NAM	NỮ
				TÀY	NÙNG		
BẮC KẠN	CHỢ ĐỒN	MO	0	0	0	0	0
		THEN	13	13	0	13	0
		PỤT	83	83	0	83	0
		TÀO	41	41	0	41	0
HÀ GIANG	YÊN MINH	MO	21	12	9	21	0
		THEN	43	43	0	7	36
		PỤT	16	1	15	4	12
		TÀO	5	2	3	5	0
LẠNG SƠN	VĂN QUÁN	MO	129	20	109	129	0
		THEN	41	37	4	2	39
		PỤT	0	0	0	0	0
		TÀO	0	0	0	0	0
LẠNG SƠN	BẮC SƠN	MO	23	14	9	23	0
		THEN	40	39	1	28	12
		PỤT	0	0	0	0	0
		TÀO	0	0	0	0	0

2. Theo chúng tôi, đây là đợt sưu tầm, khảo sát về then, mo, tào, pụt có quy mô lớn nhất từ trước tới nay.

Qua *bảng kết quả khảo sát* này, chúng tôi cần phải nói thêm mấy ý sau:

Một, có thể ở hai huyện *Chợ Đồn* và *Bạch Thông* (Bắc Kạn) có ít người Nùng sinh sống nên không thấy các nghệ nhân người Nùng làm then, mo, tào, pứt trong số liệu khảo sát.

Hai, ở địa bàn Văn Quán, Bắc Sơn, (Lạng Sơn), không thấy số liệu nghệ nhân tào, trong khi đó ở *Chợ Đồn*, *Bạch Thông* (Bắc Kạn) lại không thấy số liệu nghệ nhân mo, rất có thể khi khảo sát, người ta đã gộp mo và tào làm một. Điều này không phải vô lí vì người làm tào trước hết bao giờ cũng là người làm mo. Muốn làm thầy tào phải trải qua trình độ thầy mo. Trong thực tế, khi không bận vào việc tang lễ, thầy tào trong tư cách thầy mo vẫn đi làm mo (hoặc ngược lại). Trường hợp lẫn lộn về số liệu này diễn ra ở địa bàn *Văn Quán*, *Bắc Sơn* (Lạng Sơn). Còn trên địa bàn *Chợ Đồn*, *Bạch Thông* (Bắc Kạn), chúng tôi thấy có *tào* mà không có *mo*, có thể tình hình thực tế ở đây là như thế. Trong khi không có *mo* thì lại có rất nhiều *pứt* và *then*.

Mặc dù số liệu phản ánh còn một vài điều chưa thật ổn như vừa nói, nhưng nhìn chung, kết quả khảo sát đã phản ánh một cách khách quan sự tồn tại hiển nhiên của tín ngưỡng then, mo, tào, pứt trong đời sống tâm linh của người Tày, người Nùng ở Việt Nam thông qua sự hiện diện của các nghệ nhân then, mo, tào, pứt.

Cũng vào cuối năm 1975, tại Hội nghị Sơ kết công tác sưu tầm, nghiên cứu then Việt Bắc do Sở Văn hoá khu

tự trị Việt Bắc tổ chức, nhiều báo cáo, tham luận nghiên cứu về then của các cán bộ thuộc Viện Văn học, Viện Dân tộc học, Viện Nghệ thuật, Cục Biểu diễn, Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam, Trường múa Việt Nam, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, các cơ quan văn hoá của khu tự trị Việt Bắc (cũ) và Ty Văn hoá các tỉnh được công bố. Ba năm sau (1978), các tham luận, báo cáo tại Hội nghị này, cùng với những bài viết của các cán bộ nghiên cứu đã khảo cứu về then từ nhiều năm trước đây được in thành sách *Những vấn đề về then Việt Bắc* (Nxb. Văn hoá Dân tộc, Hà Nội 1978). Đây là cuốn sách tập hợp tương đối đầy đủ những bài nghiên cứu về then trên diện rộng từ Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên đến Hà Giang với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau.

Hơn nữa, để có cái nhìn tương đối hệ thống về tín ngưỡng then, mo, tào, pứt, cả trên phương diện lý thuyết và tư liệu, chúng tôi sơ bộ nêu ra một số công trình và bài viết sưu tầm, nghiên cứu về then, mo, tào, pứt từ trước tới nay. Một số đã được in thành sách, số khác còn ở dạng tư liệu. Đó là: *Sơ bộ khảo sát về mo của người Nùng ở Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn (1981)*, *Văn hóa Tày, Nùng (1984)*, *Thi phẩm dân ca nghi lễ (1984)*, *Bước đầu tìm hiểu về then Kỳ Yên ở Cao Bằng (1985)*, *Nghệ thuật hát then và hát dâng ở Cao Bằng (1991)*, *Pứt Tày (1992)*, *Khảm hải (1993)*, *Hát then của Bụt và Giàng ở Cao Bằng (1996)*, *Then cấp sắc của người Tày Hòa An, Cao*

Bằng (1996), Việc tang lễ cổ truyền của người Tày (1997), Lễ hội Dàng then (1998), Hát then Thái Nguyên (1999), Đạo then trong đời sống tâm linh của người Tày, Nùng Lạng Sơn (1999), Văn hóa tín ngưỡng then, tào, mo của người Tày, Nùng ở Việt Nam (1999), Một số phong tục tập quán và lễ hội cổ truyền của người Nùng Dín làng Tùng Lôu (2000), Đời sống, vai trò và bản chất của thầy tào người Nùng An qua trường hợp bản Phia Chang (2000), Lễ cầu tự của người Tày Cao Bằng (2001), v.v...

Rõ ràng, then, mo, tào, pụt đã được các nhà nghiên cứu quan tâm khảo cứu, nhưng bản chất chủ yếu của chúng như một loại hình tín ngưỡng tôn giáo dân gian vẫn chưa được đề cập một cách thoả đáng và còn sơ lược. Đây chính là "khoảng trống" mà công trình khảo cứu *Văn hoá tín ngưỡng then, tào, mo của người Tày, Nùng ở Việt Nam*⁽³⁾ đã bổ khuyết vào.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA CÔNG TRÌNH “VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG THEN, TÀO, MO CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG Ở VIỆT NAM”

3.1. Tín ngưỡng tôn giáo trong văn hoá dân gian là bức tranh chung về tín ngưỡng Tày, Nùng ở Việt Nam mà *phác thảo đại cương về tín ngưỡng dân gian Tày, Nùng* đã ít nhiều giúp cho mọi người hiểu rõ quan niệm của người Tày, Nùng về vũ trụ và linh hồn cũng như *các hình thức tín ngưỡng tôn giáo: Thờ cúng tổ tiên và các vị thần khác trong nhà, thờ các vị thần của bản mường, các tàn dư tín ngưỡng sơ khai, những ảnh hưởng tam giáo*.

Từ quan niệm và các yếu tố tín ngưỡng tôn giáo trên đã hình thành trong cộng đồng người Tày, Nùng các phong tục nghi lễ lịch tiết như *Tết Nguyên Đán* (từ 1 - 3 tháng Giêng), *tết Thanh Minh* (3/3 âm lịch), *tết Doan Ngọ* (5/5 âm lịch), *tết Thần Rượu*, *vía Trâu* (6/6 âm lịch), *tết Rằm tháng Bảy* (cúng tổ tiên và các vong linh với ý nghĩa xá tội vong nhân), *tết Trung Thu* (rằm tháng Tám), *tết cốm, cốm mới* (tháng 9 và 10 âm lịch), *tết Đông Chí* (tháng 11 và 12 âm lịch). Các phong tục và nghi lễ lịch tiết này vừa tuân theo chu kỳ mùa vụ trong canh tác nông nghiệp, vừa chịu ảnh hưởng về quan niệm lễ tiết của Trung Hoa, nhưng dù sao trong đó vẫn biểu hiện rõ sắc thái nổi trội của văn hoá Tày, Nùng Việt Nam.

Hơn nữa, ở nhiều tộc người, trong đó có người Tày, người Nùng, nền văn hoá dân gian của họ bao gồm cái gọi là *văn hoá tín ngưỡng*. Vậy nền văn hoá đặc thù này thể hiện trên phương diện nào? Chính qua việc trình bày, lí giải mối quan hệ giữa tín ngưỡng với ngữ văn dân gian, giữa tín ngưỡng với nghệ thuật tạo hình dân gian, và giữa tín ngưỡng với phong tục và lễ hội dân gian đã ít nhiều giải đáp được yêu cầu của câu hỏi trên.

3.2. Văn hoá tín ngưỡng then đã đề cập tới *một số vấn đề chung* (khái niệm, nguồn gốc then, lịch sử nghiên cứu, sưu tầm then), *cũng như công*

3. Hà Đình Thành (chủ biên), Ngô Đức Thịnh, Đoàn Thị Tuyền, Nguyễn Thị Yên,... *Văn hoá tín ngưỡng then, tào, mo của người Tày, Nùng ở Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Văn hoá Dân gian, Hà Nội 1999.

việc của then, hệ thống điện thờ trong then, vai trò của tính nguyên hợp trong diễn xướng then và tín ngưỡng then trong đời sống tinh thần của người Tày hiện nay.

Đặc biệt, thế giới đời sống của then qua tư liệu người Tày, người Nùng ở huyện Văn Quán, Lạng Sơn đã ít nhiều giới thiệu về một thế giới đời sống của then khác hẳn với thế giới hiện hữu nhằm lí giải cho câu hỏi then là ai?

Thế giới đời sống của then quả thật đặc biệt, nhưng nếu ai đó nói rằng, thế giới đó tách biệt hoàn toàn khỏi thế giới hiện thực chắc là không chính xác. Bởi vì, trong thế giới đời sống của then, đôi khi người ta cũng bắt gặp những nhu cầu thiết yếu và sinh hoạt rất đời thường như then nhận thù lao để đảm bảo cuộc sống như mọi người hoặc giữa các then cũng có sự cạnh tranh về nghề nghiệp, v.v...

Người diễn xướng then (nghệ nhân hát dân ca và thầy Saman) đã giới thiệu đại cương về then và quan niệm then như là một nghi lễ tôn giáo được diễn xướng bằng hình thức hát, hát kể có kèm theo nhạc và nhảy múa, hoặc như là một nghi lễ Saman giáo, đồng thời coi người diễn xướng then chính là nghệ nhân hát dân ca, thầy Saman. Ngoài ra, cũng có sự phân biệt giữa then với nhiều hiện tượng Saman khác trên thế giới: *Thông thường thầy Saman chỉ có đánh trống và ngâm nga lời ca không rõ ràng, nhưng trong then ta thấy người diễn xướng then hát*

những bài hát về các cửa then bằng các bài hát dân ca trong thể thơ dân gian Tày bảy chữ hoặc năm chữ có hình tượng, có vần điệu và trùng lặp. Người diễn xướng then là người có trình độ cao trong nghề và được cộng đồng chấp nhận, đồng thời là một thành viên trong cộng đồng do ông tổ then lựa chọn làm người kế nghiệp. Họ là những nghệ nhân hát dân ca có tài và là thầy Saman có khả năng thoát hồn để đi vào thế giới vô hình, và đôi khi bị "ma" nhập trong khi đi vào các cửa then.

3.3. Hiện trạng và đời sống của thầy tào Nùng An (bản Phia Chang, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng, đã đề cập đến thầy tào và tổ chức tào ở bản Phia Chang.

Do quan niệm về đời sống của thầy tào Nùng An ở bản Phia Chang không phải là đời sống của đạo sĩ chính tông mà là của đạo sĩ dân gian, cho nên, các vấn đề được miêu tả ở đây chủ yếu xoay quanh các điểm: *Gia đình xuất thân, học đạo và tu đạo, đời sống thường nhật của thầy tào.*

Hiện nay, tào vẫn đang giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần, và trong tương lai, tào vẫn tồn tại trong đời sống của một số tộc người, trong đó có người Nùng An. Chính bản thân tào sẽ tự điều chỉnh hình thức phát triển của mình cho thích ứng với những đòi hỏi và yêu cầu của cộng đồng đang trên đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

3.4. Tín ngưỡng mo của người Tày, Nùng ở vùng giáp ranh biên giới

Lạng Sơn đã trình bày *một số quan niệm và truyền thuyết về mo, một vài dòng mo và mối quan hệ gắn kết giữa mo, then và tà* cũng như *cách truyền nghề và học nghề của thầy mo*.

Các loại nghi lễ mo cũng được trình bày một cách thú vị như *Trình tự của một cuộc hành lễ, các loại lễ mo như lễ mo trong sinh hoạt gia đình, mo tham gia vào một số nghi lễ cộng đồng, v.v...*

Trên đây là một vài nét rất sơ lược về công trình nghiên cứu mà chúng tôi đã thực hiện trong thời gian qua. Công trình được hoàn thành dựa trên các tư liệu thu được qua điều tra, khảo sát thực địa, có tham khảo những công trình của các nhà nghiên cứu đi trước. Tất nhiên, do thực tế văn hoá dân gian vốn có tính chất nguyên hợp nên các phần giới thiệu trong bài viết này có những mối quan hệ không thể bóc tách ra một cách hoàn toàn riêng rẽ. Mặt khác, vấn đề khảo cứu tín ngưỡng của các tộc người ở Việt Nam từ góc độ văn hoá dân gian chỉ mới được quan tâm trong khoảng thời gian gần đây. Do vậy, việc tìm tòi, nghiên cứu của chúng tôi trong phạm vi tín ngưỡng then, mo, tà, pụt vẫn còn nhiều thiếu sót, rất mong được bổ cứu tiếp theo.

IV. MỘT VÀI NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Như tất cả các dân tộc trên thế giới, người Tày, người Nùng ở Việt Nam đã có *một nền văn hoá tín ngưỡng sâu đậm trước thiên nhiên và xã hội*. Từ những quan niệm vạn

vật hữu linh, đa thần giáo, người Tày, người Nùng đã tự hình thành nên một thế giới quan mộc mạc, sơ khai ở ngay thời kì khởi nguyên, để rồi dần dần tạo nên được niềm tin ở thực tại. Mỗi tín ngưỡng có thể mang sắc thái riêng, nhưng vẫn là ước mơ đấu tranh chống cái ác và bảo vệ cái thiện cho con người. Tuy rằng tín ngưỡng có lúc thăng, lúc trầm, nhưng nhìn chung, nó vẫn gắn bó mật thiết và làm thoả mãn những nhu cầu tâm linh của con người và cộng đồng. *Tín ngưỡng Tày, Nùng về cơ bản vẫn là tín ngưỡng dân gian*, tuy nhiên ở nó đã diễn ra quá trình giao lưu, ảnh hưởng, pha trộn giữa tín ngưỡng bản địa và tín ngưỡng ngoại lai, giữa tín ngưỡng dân gian và các tôn giáo khác, mà trong đó chủ yếu là Đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo. Sự *giao lưu, ảnh hưởng, pha trộn* này diễn ra rất sâu sắc. Một mặt, nó làm biến dạng và nâng cao các tín ngưỡng bản địa, mặt khác, nó làm thay đổi cả hình thức lẫn nội dung của các tôn giáo ngoại lai đó. Trong số các ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo, có lẽ các yếu tố ảnh hưởng của Đạo giáo với tín ngưỡng then, mo, tà, pụt là nổi trội hơn cả. Do vậy, nói đến tín ngưỡng tôn giáo không thể không nói đến những người làm nghề cúng bái, tức là các then, mo, tà, pụt vì chính họ là những người tuyên truyền những giáo lí trong khi cúng bái. Cũng có thể nói rằng, từ trước tới nay, tín ngưỡng Tày, Nùng gắn bó mật thiết với các sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Trong nhiều trường

hợp, tín ngưỡng đặc thù này giữ vai trò như là môi trường bảo lưu và sản sinh nhiều giá trị văn hoá Tày, Nùng. Các loại nhạc lễ, trò chơi, tranh thờ, thi tài, múa thiêng, v.v... của người Tày, người Nùng đều có quan hệ gắn kết với loại hình tín ngưỡng này. Vì thế, tín ngưỡng then, mo, tào, pụt đã góp phần khắc họa và làm phong phú hơn nét độc đáo cũng như bản sắc văn hoá của người Tày, người Nùng ở Việt Nam.

4.2. Then không chỉ là một người hành nghề tôn giáo có khả năng thông quan với thế giới thần linh mà còn là một nghệ sĩ dân gian trong đời sống văn hoá truyền thống của người Tày, người Nùng, lưu giữ và thể hiện những bài hát dân ca nghi lễ trước đám đông, đồng thời cũng là nghệ sĩ múa, nghệ sĩ đánh đàn, xóc nhạc tài ba. Có thể nói thêm rằng, then cũng chính là người bảo trợ tinh thần cho thôn bản. Dân bản cần then để thực hiện các nghi lễ trong các dịp lễ hội của cộng đồng và trong các dịp hiếu hỉ, tang ma,... của gia đình. Dù trong vai trò nào đi nữa, là nghệ sĩ dân gian, là nghệ nhân diễn xướng, là thầy Saman, là người bảo trợ về mặt tinh thần thì then vẫn là người góp phần quan trọng trong việc trao truyền và bảo trì di sản văn hoá dân tộc. Hay nói khái quát hơn, người diễn xướng then là thầy Saman có khả năng liên hệ với thần linh vì việc thiện để đáp ứng nhu cầu về mặt tâm linh, đồng thời là nghệ sĩ dân gian hát múa để mua vui giải trí cho gia chủ và cộng đồng.

4.3. Tào là một hình thức của đạo sĩ dân gian. Tín ngưỡng tào là một biểu hiện của Đạo giáo dân gian. Tào không có diện thần, khi hành lễ thì quảng thỉnh mọi loại thần linh. Đây cũng là một tín hiệu để nhận ra một đặc điểm quan trọng của tín ngưỡng tào: *Lấy cơ sở là tín ngưỡng bản địa và tích hợp tín ngưỡng ngoại lai.* Từ bức tranh chung về lịch sử và đời sống tín ngưỡng tộc người, có thể đưa ra giả thiết rằng, phải chăng tào là một hướng phát triển của vụ thuật trong các bộ tộc Tây Âu Lạc Việt thuộc khối Bách Việt thời cổ đại. Và cũng có thể xem then, mo, tào, pụt ngày nay là hiện thân của vụ thuật thời cổ đại. Then và pụt là tên gọi khác nhau của cùng một hiện tượng Saman giáo. Khi hành lễ, theo lời mời của các gia chủ, then, pụt tự đưa mình vào trạng thái xuất thần nhập hóa, du hồn đi để gọi hồn phách bị thất lạc cho người ốm trong các gia chủ, hay nhập vào cùng linh hồn của người đã khuất để phán bảo và trả lời các khúc mắc, phiền muộn mà các gia chủ đang gặp phải. Qua hàng nghìn năm, trạng thái không thành văn và các phương cách ma thuật của vụ thuật vẫn được then, pụt, mo bảo tồn về cơ bản. Nhưng ở một hướng khác, vụ thuật đã tiếp thu Đạo giáo. Từ sự hoàn kết giữa tín ngưỡng bản địa và tín ngưỡng tôn giáo ngoại lai, tào đã ra đời. Tào thuộc loại thầy cúng "chính quy", khi cúng nhất thiết phải có sách cúng, sớ tấu bằng chữ Hán và buộc phải biết chữ Hán, phải có một tập thể thầy cúng đảm bảo người do *thầy tào cả* đứng

dầu chủ trì các buổi lễ, lại phải có đủ nhạc cụ (thanh la, nã bạt, trống, sáo, nhị) để hòa nhạc theo nhịp các bài ca cúng bái. Tào cũng là cấp bậc thầy cúng cao nhất chuyên chủ trì các đám tang, đồng thời cũng đảm trách việc cúng bái để *chữa bệnh*, cầu yên, cầu phúc cho nhân dân. Thầy tào kiêm cả nghề bói toán, địa lí để đoán bệnh trạng người ốm, chọn ngày lành tháng tốt cho việc cưới xin, cúng bái, xem số tử vi của đôi trai gái để quyết định việc hôn nhân, xem đất cát để xây nhà đắp mộ, v.v... Ngoài ra, tào làm nhiệm vụ cấp sắc cho các "mo", "then", "pứt" trong buổi lễ thụ phong.

Còn then, đứt, mo mang tính chất dân gian hơn. Họ cúng bằng tiếng dân tộc theo những bài ca nghi lễ đã thuộc lòng. Họ thường đi một mình, nhạc cụ cũng đơn giản. Mo dùng một chiếc chiêng nhỏ (hoặc chiếc chuông nhỏ). Then dùng một cây đàn tính và một bộ xóc nhạc bằng đồng. Pứt chỉ dùng một bộ xóc nhạc bằng đồng tượng trưng cho con chiến mã.

4.4. Có thể nói rằng, mo và thầy mo đã xuất hiện và tồn tại trong đời sống của đồng bào Tày, Nùng từ lâu. Mặc dù trải qua một thời gian dài và có những biến đổi do ảnh hưởng của các tôn giáo lớn, nhưng mo và tầng lớp thầy mo vẫn có một ảnh hưởng tương đối sâu rộng trong đời sống tâm linh của người Tày, người Nùng xưa và nay. Hơn nữa, sự giống nhau giữa thầy mo của người Tày, người Nùng với thầy mo, thầy cúng của người Mường, người Thái, người Lô Lô, người Hmông, v.v... ở chỗ *họ đều*

là những người hành nghề cúng lễ. Mặt khác, ở các tộc người như Mường, Thái, Lô Lô, Hmông, v.v... trong các buổi lễ cúng hồn cho người chết, một số bài mo đều nói về nguồn gốc và quá trình phát triển tộc người tương đối rõ, nhưng ngược lại, trong các bài mo của người Tày, người Nùng ít thấy đề cập tới vấn đề này. Có lẽ một phần do địa vực cư trú của người Tày, người Nùng là vùng biên, nằm kế cận với các trung tâm văn hoá nên nhiều sinh hoạt văn hoá trong cộng đồng người Tày, người Nùng chịu ảnh hưởng và bị xáo trộn mạnh mẽ (trong đó có tín ngưỡng then, mo, tào, đứt). Vì vậy, mặc dù mo có nguồn gốc từ trong đời sống của người Tày, người Nùng cổ, nhưng có lẽ do bị phủ lên một lớp bụi thời gian của chế độ phong kiến nên dấu vết cổ xưa về nguồn gốc và quá trình phát triển của lịch sử người Tày, người Nùng trong mo còn lại rất ít.

Mo còn gọi là "thầy pháp" (pháp sư) *làm nhiệm vụ chính là cúng bái để "chữa bệnh" cho nhân dân*, nhiều khi phối hợp với thầy tào để cúng các đám chay lớn.

4.5. Từ những nhận xét nêu trên xin nêu lên một số kiến nghị về vấn đề này. Ngày nay, trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của người Tày, người Nùng, ta không thể không xem xét một cách tổng thể *mối quan hệ hữu cơ giữa các nhân tố tín ngưỡng tôn giáo và các nhân tố văn hoá khác*, đồng thời tránh cách xử lí và nhìn nhận một cách phiến diện, cục bộ, mà hậu quả của nó là làm

nghèo nàn nên văn hoá dân gian làm mất đi những nét độc đáo vốn có của nền văn hoá Tày, Nùng. Mặt khác, các hình thức tín ngưỡng dân gian, trong nhiều trường hợp, còn bảo lưu nhiều yếu tố nguyên thủy mang tính chất mê tín, cuồng tín, lạc hậu, lỗi thời của xã hội tiền nhà nước và giai cấp, nên việc lợi dụng tín ngưỡng của một số tầng lớp xã hội còn thể hiện khá rõ. Những yếu tố tiêu cực này đã làm phương hại không chỉ bản thân các tín ngưỡng tôn giáo mà còn đối với cả đời sống hàng ngày của người Tày, người Nùng. Từ đó đặt ra các vấn đề phải có nhận thức rõ và biện pháp thích hợp vừa đảm bảo tự do tín ngưỡng của đồng bào vừa loại trừ, đẩy lùi các biểu hiện mê tín, tiêu cực.

Then, mo, tào, pụt xuất hiện và tồn tại lâu dài cùng lịch sử của các tộc người này. Từ những năm đầu Công nguyên tới nay, cùng với những biến đổi không ngừng trong đời sống của người Tày, người Nùng, sự phát triển của then, mo, tào, pụt cũng có những bước thăng trầm. Đã có một thời then, mo, tào, pụt bị đả kích và lên án mạnh mẽ từ nhiều phía. Có người đã phân chia sự phát triển của then, mo, tào, pụt từ đầu thập kỉ 70 thế kỉ XX đến nay thành ba thời kì như sau:

* Từ đầu thập kỉ 70 đến cuối những năm 80 thế kỉ XX là "thời kì đóng băng".

* Từ những năm 80 đến đầu thập kỉ 90 thế kỉ XX là "thời kì nóng dần trở lại".

* Từ giữa thập kỉ 90 thế kỉ XX đến nay là "thời kì hồi phục".

Vậy sự phân chia như trên có phản ánh đúng thực trạng tồn tại và phát triển của then, mo, tào, pụt trong đời sống xã hội của người Tày, người Nùng từ đầu thập kỉ 70 thế kỉ XX tới nay hay không? Ta đã có đủ tư liệu điều tra thực địa trên diện rộng cũng như những chứng cứ khoa học để khẳng định như vậy không? Theo chúng tôi, cần phải tiếp tục điều tra, khảo sát, nghiên cứu then, mo, tào, pụt một cách hệ thống trên phạm vi rộng hơn và trong khoảng thời gian vài ba năm nữa thì mới có thể khẳng định chính xác được.

Ở đây, then, mo, tào, pụt không những là một hình thức tín ngưỡng tôn giáo cổ, một niềm tin vào sức mạnh huyền bí siêu nhiên, mà còn là một tín ngưỡng thực sự xâm nhập vào đời sống xã hội và mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Với ý nghĩa này, then, mo, tào, pụt đã sống trong xã hội Tày, Nùng và trong lòng người Tày, người Nùng như "*một hình thức nhập thế và xuất thế*" của một thứ tôn giáo nào đó. Hơn nữa, then, mo, tào, pụt còn là một thách thức đầy ý nghĩa khoa học và nhân bản, do vậy, ta cần phải tiếp tục sưu tầm, khảo cứu chúng một cách kĩ lưỡng và khoa học hơn nữa./.